

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Cù Văn Minh

Thư ký phiên họp: Bà Thiều Thị Minh Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BM tham gia phiên họp:
Bà Bàn Thị Xuân – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc ***Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*** theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Kiáng Văn D, sinh năm: 1983

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Việt Hà là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh HG.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Kiáng Văn Đùi, sinh năm 1984 ;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự viết ngày 30/12/2018 được nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 26 tháng 4 năm 2019, các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi lời khai và tại phiên họp hôm nay anh Kiáng Văn D trình bày: Anh Kiáng Văn Đùi, sinh năm 1984 xây dựng gia đình với chị Đặng Thị Châu, sinh năm 1982 từ tháng 1/2004 được tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương (không đăng ký kết hôn). Hai người chung sống với nhau tại thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG. Trong thời gian chung sống có với nhau hai đứa con là Kiáng Văn X, sinh ngày 01/7/2005 và Kiáng Thị P sinh ngày 08/7/2007. Đến ngày 16/11/2007, chị Đặng Thị C chết do mắc bệnh hiểm nghèo.

Ngày 25/12/2012, Kiáng Văn Đ tự bỏ nhà đi làm thuê ở đâu không rõ, thỉnh thoảng vẫn thấy liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, từ đầu năm 2014 đến nay thì không thấy có tin tức gì nữa, bạn bè cùng thôn cũng không liên lạc được với Đ.

Khi anh Đ bỏ đi hai con của Kiáng Văn Đ là Kiáng Văn X và Kiáng Thị P ở cùng bà nội (Mẹ đẻ của anh Kiáng Văn Đ và Kiáng Văn D) và do mẹ anh D nuôi dưỡng. Nay ông nội hai cháu đã chết, còn bà nội thì tuổi cao sức yếu, điều kiện kinh tế lại không có, hiện nay mẹ của anh D và hai con của anh Đ là Kiáng Văn X, Kiáng Thị P đang do anh D nuôi dưỡng.

Nay anh Kiáng Văn D thấy anh Đ bỏ đi lâu không về nhà, không có trách nhiệm với các con, không chăm lo cho các con mà không có thông tin về gia đình vì vậy anh D viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BM giải quyết một số việc cụ thể như sau:

a. Tuyên bố mất tích đối với : Anh Kiáng Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG.

b. Về hai cháu Kiáng Văn X và Kiáng Thị P : Ngày anh Đ bỏ đi do mẹ anh nuôi dưỡng hai cháu, nay mẹ anh đã già yếu, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả mẹ đẻ và các cháu nên anh có nguyện vọng thay mẹ anh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Kiáng Văn X và Kiáng Thị P anh không yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi các cháu.

c. Về tài sản, công nợ của anh Kiáng Văn Đ: Khi bỏ nhà đi anh Kiáng Văn Đ không có tài sản, công nợ gì nên không yêu cầu giải quyết.

- Lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những vấn đề nêu trên nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu Kiáng Văn X và Kiáng Thị P

* Đại diện Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh HG trình bày : Quá trình làm đơn đề nghị tuyên bố một người mất tích đối với anh Kiáng Văn Đ, anh Kiáng Văn D có làm đơn đề nghị và được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh HG cử trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh HG trợ giúp cho anh D trong quá trình làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện BM giải quyết và hỗ trợ đăng thông tin, tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật cũng như nộp thay anh D các chi phí đăng báo, đài...theo Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh HG khóa XVII - kỳ họp thứ 9 V/v hỗ trợ kinh phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh HG giai đoạn 2019-2020.

* Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự:

Tòa án nhân dân huyện BM thụ lý yêu cầu của anh Kiáng Văn D tuyên bố anh Kiáng Văn Đ, sinh năm 1984, có nơi cư trú cuối cùng: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG mất tích đúng với thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật; Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết việc dân sự đúng với quy định của BLTTDS; việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng quy định, đề nghị Tòa án:

Áp dụng : Khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Điều 361, 367, 369, 370 và Điều 388 BLTTDS; Điều 68 BLDS. Chấp nhận yêu cầu của anh Kiáng Văn D tuyên bố một người mất tích đối với anh Kiáng Văn Đ, sinh năm 1984; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG.

Áp dụng : Điều 106 Luật hôn nhân & gia đình, giao 02 con của anh Kiáng Văn Đ là Kiáng Văn X, sinh ngày 01/7/2005 và Kiáng Thị P sinh ngày 08/7/2007 cho anh Kiáng Văn D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu

Áp dụng Khoản 1, Điều 149 BLTTDS, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Kiáng Văn D chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm 300.000,đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp và người bảo vệ quyền, lợi ích của người yêu cầu, Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Kiáng Văn D, nơi cư trú: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG, có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BM tuyên bố anh Kiáng Văn Đ mất tích, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 27 BLTTDS. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh HG.

[2] Về nội dung: Anh Kiáng Văn D là anh ruột của Kiáng Văn Đ, sinh năm 1984, có nơi cư trú tại Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG. Tháng 1/2004, anh Kiáng Văn Đ đã lập gia đình và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương với chị Đặng Thị Châu (không đăng ký kết hôn). tại thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG. Việc anh Kiáng Văn Đ bỏ nhà đi không có tin tức gì từ năm 2014 đến nay đã được năm năm có xác nhận của chính quyền địa phương, mặc dù anh D và gia đình đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm và được thông báo tìm kiếm trên báo Công lý tại các số 41, 42, 43 ra các ngày 22, 24, 29 tháng 5 năm 2019 (đăng tiếp trên báo Công lý điện tử địa chỉ: congly.vn) và được phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) các ngày 25, 26, 27 tháng 5 năm 2019, nhưng không có kết quả, vì vậy anh Kiáng Văn D có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh Kiáng Văn Đ là có cơ sở, để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh D, cháu X, cháu P đáp ứng được các điều kiện quy định của pháp luật về yêu cầu tuyên bố một người mất tích được quy định tại khoản 1 Điều 68 BLDS, khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 48, 370, 387 và Điều 389 BLTTDS được chấp nhận.

Khi anh Đ bỏ đi hai con của anh Đ là Kiáng Văn X và Kiáng Thị P do mẹ anh D nuôi dưỡng hai cháu, nay mẹ anh đã già yếu, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả mẹ đẻ và các cháu nên anh có nguyện vọng thay mẹ anh được tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc các cháu Kiáng Văn X và Kiáng Thị P anh không yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi các cháu. Nguyên vọng của anh D là phù hợp theo quy định của pháp luật và phong tục tập quán, văn hóa của dân tộc nên cần giao cháu X, cháu P cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu là hợp tình, hợp lý.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí dân sự: Áp dụng Điều 149 BLTTDS, Điều 6, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Kiáng Văn D phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000,đ.

Trong quá trình giải quyết anh Kiáng Văn D được Trung tâm trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh HG hỗ trợ lập hồ sơ, đi hợp đồng đăng thông tin tìm kiếm anh Kiáng Văn Đ trên phương tiện thông tin đại chúng và nộp thay các chi phí đăng tin thông báo trên báo, đài theo quy định của Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh HG khóa XVII - kỳ họp thứ 9 V/v hỗ trợ kinh phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh HG giai đoạn 2019-2020, Tòa án không thu tiền của anh D nên không xem xét.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1, Điều 68 BLDS, khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 48, Điều 370, 387, và Điều 389 BLTTDS

Tuyên bố: Một người mất tích đối với anh Kiáng Văn Đ, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG

- Về con của anh Kiáng Văn Đ: Căn cứ Điều 106 Luật hôn nhân & gia đình, giao cho anh Kiáng Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ nơi cư trú tại thôn KL, xã ĐH, huyện BM, tỉnh HG là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Kiáng Văn X, sinh ngày 01/7/2005 và Kiáng Thị P sinh ngày 08/7/2007 kể từ ngày quyết định có hiệu lực

- **Về lệ phí:** Áp dụng Điều 149 BLTTDS, Điều 6, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Kiáng Văn D chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh D đã nộp theo biên lai thu số 07090 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BM.

- **Về quyền kháng cáo:** Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã ĐH ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS (để thi hành);
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Tỉnh HG.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Cù Văn Minh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”